

Số: ~~3987~~ /QĐ-NHCS

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục giải quyết công việc ban hành mới, thủ tục giải quyết công việc được bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 21/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc: Ban Tín dụng Học sinh, sinh viên và các đối tượng chính sách khác, Ban Tín dụng người nghèo, Ban Pháp chế NHCSXH,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mới và bãi bỏ các Thủ tục giải quyết công việc (TTGQCV) cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) như sau:

1. Công bố 06 TTGQCV cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH mới ban hành (*danh mục các thủ tục được công bố tại Mục I Phần A và nội dung chi tiết của từng thủ tục tại Phần B ban hành kèm theo Quyết định này*).

2. Bãi bỏ 24 TTGQCV cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH đã được công bố tại Quyết định số 3339/QĐ-NHCS ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH (*danh mục các thủ tục được bãi bỏ tại Mục II Phần A ban hành kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Giám đốc Ban Pháp chế và các Ban chuyên môn nghiệp vụ tại Hội sở chính; Giám đốc: Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin, Sở giao dịch và chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (b/cáo);
- Cục Kiểm soát TTHC;
- Tổng Giám đốc (b/cáo);
- Trưởng BKS; các Phó TGD, KTT;
- Ban HTQT&TT: đăng trên Website NHCSXH;
- TTCNTT: truyền Fastnet cho CN tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, TDSV, TDNN, PC./.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Hải

**THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC BAN HÀNH MỚI;
TTGQCV ĐƯỢC BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**
(Kèm theo Quyết định số **3987/QĐ-NHCS** ngày **11** tháng **12** năm **2015**
của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)

Phần A
DANH MỤC THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

I. Danh mục thủ tục giải quyết công việc ban hành mới

SỐ TT	TÊN THỦ TỤC	LĨNH VỰC	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động hoặc hộ gia đình vay vốn cho người lao động vay trực tiếp (từ nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Hội người mù Việt Nam quản lý).	Hoạt động tín dụng	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện)	
2	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh vay vốn trực tiếp	Như trên	Như trên	
3	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trực tiếp hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn (nguồn vốn do UBND cấp tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý)	Như trên	Như trên	
4	Thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng vốn	Như trên	Như trên	
5	Thủ tục thay đổi thông tin chứng minh nhân dân của khách hàng	Hoạt động khác	Như trên	
6	Thủ tục đóng tài khoản tiền gửi tổ viên Tổ tiết kiệm và vay vốn	Hoạt động khác	Như trên	

II. Danh mục thủ tục giải quyết công việc được bãi bỏ.

SỐ TT	SỐ HỒ SƠ THỦ TỤC	TÊN THỦ TỤC	VĂN BẢN QUY ĐỊNH VIỆC HỦY BỎ HOẶC BÃI BỎ THỦ TỤC
1	B-NCS-283288-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với Hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; - Thông tư số 45/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.
2	B-BCS-283289-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với nhóm hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức vay đến 100 triệu đồng.	Như trên
3	B-NCS-283290-TT	Thủ tục thẩm định cho vay giải quyết việc làm đối với nhóm hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức vay trên 100 triệu đến 500 triệu đồng.	Như trên
4	B-NCS-283291-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với Hộ gia đình thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh quản lý.	Như trên
5	B-NCS-283292-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với Hộ gia đình thuộc nguồn vốn do các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên) quản lý.	Như trên
6	B-NCS-283293-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh từ	Như trên

		nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức cho vay đến 30 triệu đồng.	
7	B-NCS-283294-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức cho vay trên 30 triệu đến 100 triệu đồng.	Như trên
8	B-NCS-283295-TT	Thủ tục thẩm định cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức cho vay trên 100 triệu đến 500 triệu đồng.	Như trên
9	B-NCS-283296-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh từ nguồn vốn do UBND tỉnh quản lý mức cho vay đến 30 triệu đồng.	Như trên
10	B-NCS-283297-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc nguồn vốn do UBND tỉnh quản lý mức cho vay trên 30 triệu đến 100 triệu đồng.	Như trên
11	B-NCS-283298-TT	Thủ tục thẩm định cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc nguồn vốn do UBND tỉnh quản lý mức cho vay trên 100 triệu đến 500 triệu đồng.	Như trên
12	B-NCS-283299-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dành riêng cho người lao động là người tàn tật đến 30 triệu đồng.	Như trên
13	B-NCS-283300-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dành riêng cho người lao động là người tàn tật trên 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng.	Như trên
14	B-NCS-283301-TT	Thủ tục thẩm định cho vay giải quyết việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh dành riêng cho người lao động là người tàn tật mức cho vay trên 100 triệu đồng đến 500 triệu đồng.	Như trên
15	B-NCS-283302-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động bị mất việc làm tại các doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với hộ gia đình thuộc nguồn vốn do các tổ chức chính trị-xã	Như trên

		hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên) quản lý	
16	B-NCS-283303-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động đi làm việc ở nước ngoài bị mất việc làm do doanh nghiệp gặp khó khăn phải về nước trước thời hạn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với hộ gia đình thuộc nguồn vốn do các tổ chức chính trị-xã hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên) quản lý.	Như trên
17	B-NCS-283304-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động bị mất việc làm tại các doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với hộ gia đình thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh quản lý.	Như trên
18	B-NCS-283305-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động đi làm việc ở nước ngoài bị mất việc làm do doanh nghiệp gặp khó khăn phải về nước trước thời hạn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với hộ gia đình thuộc nguồn vốn do UBND cấp tỉnh quản lý.	Như trên
19	B-NCS-283306-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động bị mất việc làm tại các doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý.	Như trên
20	B-NCS-283307-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động đi làm việc ở nước ngoài bị mất việc làm do doanh nghiệp gặp khó khăn phải về nước trước thời hạn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý.	Như trên
21	B-NCS-	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo	Như trên

	283308-TT	Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động đi làm việc ở nước ngoài bị mất việc làm do doanh nghiệp gặp khó khăn phải về nước trước thời hạn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với nhóm hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức vay dưới 100 triệu đồng.	
22	B-NCS-283309-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động bị mất việc làm tại các doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với nhóm hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức vay dưới 100 triệu đồng.	Như trên
23	B-NCS-283310-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với người lao động mất việc làm tại các doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với nhóm hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức vay trên 100 triệu đến 500 triệu đồng.	Như trên
24	B-NCS-283311-TT	Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay vốn theo Quyết định số 30/2009/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp người lao động đi làm việc ở nước ngoài bị mất việc làm do doanh nghiệp gặp khó khăn phải về nước trước thời hạn do suy giảm kinh tế vay vốn từ chương trình cho vay giải quyết việc làm đối với nhóm hộ gia đình thuộc nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam; Hội người mù Việt Nam và Bộ Quốc phòng quản lý mức vay từ 100 triệu đến 500 triệu đồng.	Như trên

Phần B

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐƯỢC CÔNG BỐ

(Kèm theo Quyết định số 3987/QĐ-NHCS ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)

1. Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với người lao động hoặc hộ gia đình vay vốn cho người lao động vay trực tiếp (từ nguồn vốn do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và Hội người mù Việt Nam quản lý).

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay.

Người lao động: Viết “Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm” (mẫu số 01a ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH) hoặc Hộ gia đình vay vốn cho người lao động: Viết “Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm” (mẫu số 01b ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH) và gửi Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm sau khi có xác nhận của UBND cấp xã về việc cư trú hợp pháp tại địa phương kèm theo các giấy tờ có liên quan đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

- Cán bộ ngân hàng kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ, tiến hành thẩm định; Nếu đủ điều kiện cho vay, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục duyệt, trình cấp có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt cho vay.

- Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, cán bộ ngân hàng cùng người vay lập Hợp đồng tín dụng (mẫu 05b) trình NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt giải ngân.

- Căn cứ kết quả phê duyệt, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi người vay.

b) Cách thức thực hiện: Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Người lao động: Giấy đề nghị vay vốn (mẫu 01a ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH) có xác nhận của UBND cấp xã về việc cư trú hợp pháp tại địa phương: 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

- Hộ gia đình vay vốn cho người lao động:

+ Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01b ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH) có xác nhận của

UBND cấp xã về việc cư trú hợp pháp tại địa phương: 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

- Giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định, gồm:

+ Chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân đối với người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 02 bản sao (có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp) - (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

+ Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp (đối với người lao động là người khuyết tật): 02 bản sao (có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp) - (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay).

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ

đ) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thẩm định, trình Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh xem xét, phê duyệt;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo cho người vay.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân hoặc Hộ gia đình vay vốn cho người lao động.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình nơi thực hiện dự án;

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã.

h) Kết quả thực hiện: Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

- Người lao động: Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 01a);

- Hộ gia đình vay vốn cho người lao động: Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 01b).

l) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục:

- Người lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Có nhu cầu vay vốn để tự tạo việc làm hoặc tạo việc làm cho thành viên trong hộ hoặc thu hút thêm lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Thông tư số 45/2015/TT- BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

2. Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh (Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh) vay vốn trực tiếp

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay

Lập Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH) có xác nhận của UBND cấp xã nơi thực hiện dự án kèm theo các giấy tờ có liên quan gửi NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Cán bộ ngân hàng kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ; tiến hành thẩm định dự án. Nếu đủ điều kiện cho vay, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục duyệt, trình cấp có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt cho vay.

- Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, cán bộ ngân hàng cùng người vay lập Biên bản định giá tài sản (mẫu 10/BĐTV), Hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản theo quy định của pháp luật (trường hợp phải thực hiện bảo đảm tiền vay) và Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05a) trình NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt giải ngân.

b) Cách thức thực hiện: Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH) có xác nhận của UBND cấp xã nơi thực hiện dự án: 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Hợp đồng hợp tác hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: 02 bản sao (có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp) (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

- Giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định, gồm:

+ Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng lao động là người khuyết tật: Quyết định về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cấp: 02 bản sao (có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp) (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

+ Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số:

➤ Danh sách lao động là người dân tộc thiểu số: 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

➤ Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân của người lao động theo danh sách: 02 bản sao/01 người lao động (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

➤ Hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách: 02 bản sao (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

+ Đối với Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số:

➤ Danh sách lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số: 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

➤ Giấy xác nhận khuyết tật của người lao động là người khuyết tật do UBND cấp xã cấp: 02 bản sao/01 người lao động (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

➤ Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân của những lao động là người dân tộc thiểu số: 02 bản sao/01 người lao động (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

➤ Hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách: 02 bản sao/01 người lao động (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay).

- Hồ sơ bảo đảm tiền vay (nếu có): 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay).

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ

đ) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thẩm định, trình Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo cho người vay.

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án;

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã.

h) Kết quả thực hiện: Hợp đồng tín dụng (mẫu số 05a) được NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt giải ngân.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

Dự án vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 02).

l) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh được thành lập và hoạt động hợp pháp;
- Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định;
- Dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;
- Có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;
- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- Thông tư số 45/2015/TT- BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;
- Văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

3. Thủ tục thẩm định, phê duyệt cho vay trực tiếp hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn (nguồn vốn do UBND cấp tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam quản lý)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay

- Tự nguyện gia nhập Tổ TK&VV tại nơi cư trú hợp pháp;
- Viết “Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm” (mẫu số 01b ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH) kèm theo các giấy tờ có liên quan gửi Ban quản lý Tổ TK&VV.

Bước 2. Ban quản lý Tổ TK&VV

- Tổ chức họp Tổ TK&VV để bổ sung tổ viên và bình xét cho vay công khai theo Biên bản họp (mẫu số 10C/TD);
- Kiểm tra các yếu tố trên hồ sơ vay vốn, trình tổ chức chính trị - xã hội cấp xã được NHCSXH ủy thác đề thẩm định (mẫu số 03b);
- Sau khi có kết quả thẩm định, lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) và gửi kèm Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01b) của các tổ viên Tổ TK&VV trình UBND cấp xã xác nhận;
- Gửi bộ hồ sơ vay vốn tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách (mẫu số 03/TD) và Giấy đề nghị vay vốn (mẫu số 01b).

Bước 3. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

- Cán bộ ngân hàng kiểm tra đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn; nếu đủ điều kiện cho vay, trình NHCSXH nơi thực hiện thủ tục duyệt, trình cấp có thẩm quyền ra Quyết định phê duyệt cho vay.
- Sau khi có Quyết định phê duyệt cho vay của cấp có thẩm quyền, cán bộ ngân hàng hướng dẫn người vay lập Sổ vay vốn trình NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt giải ngân.
- Căn cứ kết quả phê duyệt, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi người vay.

b) Cách thức thực hiện:

Người vay nộp hồ sơ vay vốn trực tiếp cho Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

c) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị vay vốn (mẫu 01b ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ LĐTB&XH) có xác nhận của

UBND cấp xã về cư trú hợp pháp: 02 bản chính (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

- Giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay theo quy định, gồm:

+ Chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân đối với người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: 02 bản sao (có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp) - (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay);

+ Giấy xác nhận khuyết tật do UBND cấp xã cấp (đối với người lao động là người khuyết tật): 02 bản sao (có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp) - (01 bản lưu NHCSXH nơi thực hiện thủ tục, 01 bản lưu người vay).

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ

đ) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thẩm định, trình Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo cho người vay.

e) Đối tượng thực hiện: Hộ gia đình vay vốn cho người lao động (thông qua Tổ TK&VV).

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan của tổ chức thực hiện chương trình cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan phối hợp: UBND, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã và Ban quản lý Tổ TK&VV.

h) Kết quả thực hiện: Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (mẫu số 01b);

- Sổ vay vốn.

l) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục:

- Người vay có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Có nhu cầu vay vốn để tạo việc làm cho thành viên trong hộ hoặc thu hút thêm lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Thông tư số 45/2015/TT- BLĐTBXH ngày 11/11/2015 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Văn bản số 3798/NHCS-TDSV ngày 20/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

4. Thủ tục đóng tài khoản tiền gửi tổ viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khách hàng:

Sau khi được Tổ TK&VV họp và có Biên bản ra khỏi Tổ TK&VV (mẫu 10C/TD), người vay lập “Giấy đề nghị đóng tài khoản tiền gửi tổ viên Tổ tiết kiệm và vay vốn” nộp NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

Thực hiện đóng tài khoản tiền gửi của tổ viên Tổ TK&VV sau khi nhận được “Giấy đề nghị đóng tài khoản tiền gửi tổ viên Tổ tiết kiệm và vay vốn” từ khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Khách hàng nộp “Giấy đề nghị đóng tài khoản tiền gửi tổ viên Tổ tiết kiệm và vay vốn” trực tiếp cho NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

Giấy đề nghị đóng tài khoản tiền gửi tổ viên Tổ TK&VV (mẫu số 02/TG): 01 bản chính (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục)

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời gian giao dịch của NCSXH nơi thực hiện thủ tục

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH;

- Cơ quan phối hợp: Các Tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và Ban quản lý Tổ TK&VV.

h) Kết quả thực hiện: Tài khoản tiền gửi của tổ viên Tổ TK&VV được đóng theo quy định.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

Giấy đề nghị đóng tài khoản tiền gửi tổ viên Tổ tiết kiệm và vay vốn (mẫu số 02/TG)

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Khách hàng là tổ viên Tổ TK&VV đã được Tổ TK&VV cho ra khỏi Tổ theo Biên bản họp Tổ (mẫu 10C/TD).

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV;

- Văn bản số 1004/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thực hiện Điều 21 Quyết định 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV;

- Văn bản số 4198/NHCS-TDNN ngày 16/12/2014 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc Hướng dẫn nghiệp vụ tiền gửi của tổ viên Tổ TK&VV;

- Văn bản số 3497/NHCS-TDNN ngày 20/10/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thực hiện nghiệp vụ tiền gửi của tổ viên Tổ TK&VV.

5. Thủ tục thay đổi thông tin chứng minh nhân dân của khách hàng.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khách hàng:

- Trường hợp làm mới chứng minh nhân dân từ 9 sang 12 số: khách hàng nộp cho NHCSXH nơi thực hiện thủ tục “*Giấy xác nhận số chứng minh nhân dân*” do Cơ quan công an cấp (*bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã*).

- Trường hợp thay đổi các thông tin khác (họ, tên, địa chỉ, số CMND, ngày cấp, nơi cấp): khách hàng lập “*Giấy đề nghị về việc thay đổi giấy chứng minh nhân dân*” theo mẫu nộp NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

Thực hiện thay đổi thông tin trên hệ thống của NHCSXH sau khi nhận được hồ sơ của khách hàng và lưu trữ trong hồ sơ cho vay của khách hàng.

b) Cách thức thực hiện:

Khách hàng nộp trực tiếp “*Giấy xác nhận số chứng minh nhân dân*” hoặc “*Giấy đề nghị về việc thay đổi giấy chứng minh nhân dân*” cho NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- “*Giấy xác nhận số chứng minh nhân dân*” do Cơ quan công an cấp: 01 bản sao có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã (*lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*).

- “*Giấy đề nghị về việc thay đổi giấy chứng minh nhân dân*” theo mẫu do khách hàng lập: 01 bản chính (*lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục*).

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời gian giao dịch của NCSXH nơi thực hiện thủ tục

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH;

- Cơ quan phối hợp: UBND và các Tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

h) Kết quả thực hiện: Thay đổi thông tin của khách hàng trên hệ thống của NHCSXH.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

- “*Giấy đề nghị về việc thay đổi giấy chứng minh nhân dân*” theo mẫu (01 bản chính): trường hợp thay đổi các thông tin khác (họ, tên, địa chỉ, số CMND, ngày cấp, nơi cấp)

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

Khách hàng thay đổi thông tin trên Chứng minh nhân dân hoặc do yêu cầu thay đổi chứng minh nhân dân từ 9 số sang 12 số của cơ quan công an.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Văn bản số 3566/NHCS-TDNN ngày 27/10/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thực hiện nghiệp vụ Tín dụng, Kế hoạch nguồn vốn, Kế toán;

- Văn bản số 3751/NHCS-TDNN ngày 17/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thay đổi Chứng minh nhân dân từ 9 số sang 12 số.

6. Thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng vốn

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Người vay:

- Viết Giấy đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng vốn vay (mẫu số 01C/TD) gửi Ban quản lý Tổ TK&VV.

Bước 2. Ban quản lý Tổ TK&VV

- Tổ chức họp Tổ TK&VV bình xét công khai theo Biên bản họp (mẫu số 10C/TD);

- Lập Danh sách hộ gia đình đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng vốn vay NHCSXH (mẫu số 03.1/TD) kèm Giấy đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng vốn vay (mẫu số 01C/TD) của các tổ viên Tổ TK&VV trình UBND cấp xã xác nhận;

- Gửi bộ hồ sơ tới NHCSXH nơi thực hiện thủ tục sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách hộ gia đình đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng vốn vay NHCSXH (mẫu số 03.1/TD).

Bước 3. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra tính hợp lệ, xem xét, phê duyệt sau khi đã nhận đủ hồ sơ từ Ban quản lý Tổ TK&VV.

b) Cách thức thực hiện:

Người vay nộp Giấy đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng vốn vay (mẫu số 01C/TD) trực tiếp tới Ban quản lý Tổ TK&VV nơi người vay cư trú hợp pháp.

c) Thành phần hồ sơ:

- Người vay kê khai:

+ Giấy đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng vốn vay (mẫu số 01C/TD): 01 bản chính (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục);

- Ban quản lý Tổ TK&VV lập:

+ Danh sách hộ gia đình đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng vốn vay NHCSXH (mẫu số 03.1/TD): 04 bản (Tổ TK&VV lưu 01 bản chính, Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác lưu 01 bản sao, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục lưu 01 bản chính và 01 bản sao);

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày NHCSXH nơi thực hiện thủ tục nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ Ban quản lý Tổ TK&VV.

e) Đối tượng thực hiện: Hộ gia đình (vay vốn thông qua Tổ TK&VV).

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH;

- Cơ quan phối hợp: UBND, các Tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và Ban quản lý Tổ TK&VV.

h) Kết quả thực hiện: phê duyệt trên Giấy đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng vốn vay (mẫu số 01C/TD)

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai:

- Giấy đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng vốn vay (mẫu số 01C/TD).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Người vay là tổ viên Tổ TK&VV;

- Người vay cư trú hợp pháp tại địa phương;

- Người vay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận trên Danh sách hộ gia đình đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng vốn vay NHCSXH (mẫu số 03.1/TD) do Ban quản lý Tổ TK&VV lập.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV;

- Văn bản số 1004/NHCS-TDNN ngày 12/4/2013 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc thực hiện Điều 21 Quyết định 15/QĐ-HĐQT ngày 05/3/2013 của Hội đồng quản trị NHCSXH về Quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ TK&VV.

- Văn bản số 3707/NHCS-TDNN ngày 10/11/2015 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc chuyển đổi mục đích sử dụng vốn vay.

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

BỘ MẪU ĐƠN, TỜ KHAI

*(Kèm theo Phần A Mục 1 Quyết định số /QĐ-NHCS ngày /12/2015
của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)*

**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG,
HOẠT ĐỘNG KHÁC**

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM
(Cho vay trực tiếp người lao động)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện (tỉnh).....

Họ và tên:Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Dân tộc: Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi cư trú:

.....

Điện thoại:

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

+ Là người khuyết tật

+ Là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

Tôi có nhu cầu vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm để thực hiện dự án:

.....

.....

Nơi thực hiện dự án:

.....

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm:người.

Trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người.

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người.

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.

Vốn thực hiện dự án:đồng, trong đó:

- Vốn tự có:đồng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền:đồng.

(Bằng chữ:)

để dùng vào việc:....., cụ thể như sau: 

STT	Mục đích sử dụng vốn vay	Số lượng	Thành tiền (đồng)

Thời hạn vay: tháng Trả gốc: Trả lãi:

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

....., ngày ... tháng ... năm

Người đề nghị vay vốn
(Chữ ký, họ và tên)

Ông/bà:

Hiện đang cư trú hợp pháp tại địa phương.

....., ngày ... tháng ... năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Họ và tên, ký, đóng dấu)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM**
(Cho vay người lao động thông qua hộ gia đình)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện (tỉnh).....

Họ và tên:Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Dân tộc: Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Là chủ hộ/người đại diện cho hộ gia đình cư trú
tại:.....

Tôi đề nghị vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm cho Ông/bà:.....

Năm sinh:.....Dân tộc:.....Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Quan hệ với chủ hộ/người đại diện hộ gia đình :.....

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

+ Là người khuyết tật

+ Là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội
đặc biệt khó khăn

Để thực hiện dự án:

.....

.....

Nơi thực hiện dự án:

.....

Số người lao động được tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm:người,
trong đó:

- Lao động nữ (nếu có):người.

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người.

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người

Vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng.

(Bằng chữ:)

để dùng vào việc:....., cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn vay	Số lượng	Thành tiền (đồng)

Thời hạn vay: tháng

Trả gốc:.....

Trả lãi:

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,
THỊ TRẤN**

Các ông/bà:

.....

Thuộc hộ gia đình đang cư trú hợp pháp tại địa phương.

....., ngày ... tháng ... năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Họ và tên, ký, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm

Người đề nghị vay vốn

(Chữ ký, họ và tên)

**DỰ ÁN VAY VỐN
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ VÀ MỞ RỘNG VIỆC LÀM**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội huyện (tỉnh)

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại:; Fax:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Hoặc hợp đồng hợp tác số:

Do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng thực.

5. Họ và tên người đại diện: Chức vụ:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Quyết định bổ nhiệm số: Ngày: Do: quyết định

Hoặc giấy ủy quyền số: Ngày: Do: ủy quyền

6. Mã số thuế:

7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)

Năm

- Tổng doanh thu: đồng

- Tổng chi phí: đồng

- Thuế: đồng

- Lợi nhuận: đồng

Năm

- Tổng doanh thu: đồng

- Tổng chi phí: đồng

- Thuế: đồng

- Lợi nhuận: đồng

2. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: người, trong đó:

- Lao động nữ (nếu có): người.

- Lao động là người khuyết tật (nếu có): người.

- Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Tên Dự án:

Nơi thực hiện dự án:

2. Nội dung dự án

a) Hiện trạng

- Văn phòng/chi nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích):

- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ):

- Trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):

b) Dự án phát triển sản xuất, kinh doanh

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:

+ Chi phí mở rộng, cải tạo:

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):

c) Phương án sử dụng lao động.

Tổng số lao động: người, trong đó:

- Số người lao động được tạo việc làm (nếu có): người, trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): người.

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): người.

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.

- Số người lao động được duy trì và mở rộng việc làm: người. Trong đó:

+ Lao động nữ (nếu có): người.

+ Lao động là người khuyết tật (nếu có): người.

+ Lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.

d) Hiệu quả kinh tế của dự án vay vốn

- Tổng doanh thu: đồng

- Tổng chi phí: đồng

- Lợi nhuận: đồng

e) Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án: tháng năm

3. Tổng nguồn vốn thực hiện dự án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng.

(Bằng chữ:)

4. Thời hạn vay: tháng

5. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:

- Khấu hao tài sản từ vốn vay: đồng;

- Khấu hao tài sản từ nguồn vốn tự có: đồng;

- Lợi nhuận từ dự án và các nguồn khác: đồng;

- Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là: đồng.

6. Trả gốc: ;

Trả lãi theo:

7. Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có):

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN	GIÁ TRỊ (ước tính)

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,

THỊ TRẤN

Cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

.....

Có dự án được thực hiện tại địa phương.

....., ngày ... tháng ... năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Họ và tên, ký, đóng dấu)

....., ngày ... tháng ... năm

Người đại diện

(Họ và tên, ký, đóng dấu)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐÓNG TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TỔ VIÊN TỔ TIẾT KIỆM VÀ VAY VỐN**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tôi là:.....

Số CMT/Hộ chiếu:.....ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....,

là chủ tài khoản tiền gửi tổ viên Tổ TK&VV số tài khoản:.....mở tại
NHCSXH.....

Nay, tôi làm Giấy này để đề nghị Ngân hàng đóng tài khoản nêu trên kể từ
ngày tài khoản này không còn số dư. Toàn bộ số dư hiện có trên tài khoản được
rút ra bằng tiền mặt.

....., ngày /..... /.....

CHỦ TÀI KHOẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG

Số dư tài khoản.....

Lãi tiền gửi.....

Tổng cộng:.....

Giao dịch viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát viên

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
V/v thay đổi Giấy chứng minh nhân dân

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là Cư trú tại Thôn

xã.....huyện.....tỉnh....., là tổ viên Tổ tiết kiệm và vay vốn do ông (bà)..... làm Tổ trưởng. Tổng số tiền hộ gia đình chúng tôi còn dư nợ tại NHCSXH là:.....đồng;

(*Bằng chữ*). Hiện nay, do bản thân tôi có thay đổi Giấy chứng minh nhân dân mới là: Họ và tên.....; Năm sinh:; Giấy chứng minh nhân dân số:.....Cấp ngày.../.../..... Nơi cấp.....

Hộ gia đình chúng tôi đã thỏa thuận, thống nhất tiếp tục cử tôi làm đại diện cho hộ gia đình chúng tôi đứng tên vay vốn NHCSXH, gia đình tôi cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ gốc, lãi tiền vay với NHCSXH. Đề nghị NHCSXH cập nhật thay đổi về Giấy chứng minh nhân dân cho tôi.

Các thành viên trong hộ gia đình (từ 18 tuổi trở lên) cùng nhất trí ký tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quan hệ với người vay	Ký tên
1	Nguyễn Văn A	1960	Người vay	A
2	Lê Thị B	1962	Vợ	B
3	Nguyễn Văn C	1938	Bố	C
4	Nguyễn Thị D	1990	Con gái	D
...	...			

Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng thôn
(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND cấp xã
Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)



**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY**

Chương trình cho vay:.....

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:..... Năm sinh:.....

- Số CMND:....., ngày cấp:...../...../....., nơi cấp:.....

- Địa chỉ cư trú: thôn.....; xã..... huyện.....

- Là thành viên Tổ TK&VV do ông (bà) làm tổ trưởng.

- Thuộc tổ chức Hội:..... quản lý.

Ngày.....tháng.....năm....., gia đình tôi đã vay NHCSXH số tiền:

.....đồng;

Sử dụng vào mục đích:.....

Nay, tôi đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng vốn vay sang.....

.....

Lý do:.....

.....

Đề nghị NHCSXH chấp thuận và gia đình tôi xin cam kết: sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn. Nếu sai trái, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày..... tháng năm

Người vay

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

Tổ trưởng Tổ

TK&VV

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

Đồng ý chuyển đổi mục đích sử dụng vốn vay là:.....

.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Cán bộ tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng

(Tổ trưởng) TD

(Ký, ghi rõ họ tên)